

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2015/QĐ-UBND

*Lào Cai, ngày 30 tháng 9 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (gọi tắt là Nghị định 135/2004/NĐ-CP); Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (gọi tắt là Nghị định 61/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về

việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐT BXH-BCA ngày 06/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an Quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BYT ngày 29/12/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BLĐT BXH ngày 05/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, tư vấn, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Quản lý sau cai nghiện và Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư số 33/2010/TT-BLĐT BXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐT BXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế về hướng dẫn quy trình cai nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐT BXH ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2010/TT-BLĐT BXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng

dẫn một số điều của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 138/TTr-LĐTBXH ngày 11 tháng 8 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành và thay thế các quyết định sau đây:

- Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy chế cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 09/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Doãn Văn Hương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định một số nội dung trong công tác điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Những nội dung khác có liên quan đến công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

##### 2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

b) Cơ sở điều trị nghiện ma túy, cơ sở quản lý sau điều trị nghiện được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác điều trị nghiện ma túy tại gia đình, điều trị nghiện tại cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú;

d) Người nghiện ma túy, người sau điều trị nghiện ma túy; gia đình người nghiện ma túy và gia đình người sau điều trị nghiện ma túy.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Người nghiện ma túy (Sau đây gọi tắt là người nghiện) là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

2. Người bị quản lý sau điều trị nghiện ma túy (Sau đây gọi tắt là người sau điều trị nghiện) là người đã chấp hành xong thời gian điều trị nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy.

3. Tái nghiện là tình trạng người nghiện ma túy sau khi đã thực hiện xong quy trình điều trị nghiện ma túy theo quy định nhưng vẫn tiếp tục sử dụng chất ma túy.

4. Cộng đồng là một đơn vị dân cư được xác định theo địa giới hành chính xã, phường, thị trấn.

5. Cơ sở quản lý sau điều trị nghiện ma túy (Sau đây gọi tắt là Cơ sở quản lý sau điều trị) là đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác quản lý sau điều trị nghiện đối với người đã hoàn thành thời gian điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện nhưng có nguy cơ tái nghiện cao.

6. Cơ sở điều trị nghiện ma túy đa chức năng (Sau đây gọi tắt là Cơ sở điều trị nghiện) là đơn vị sự nghiệp công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác chữa trị, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện chất ma túy.

### **Điều 3. Các hình thức, biện pháp điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện**

1. Các hình thức điều trị nghiện ma túy:

- a) Điều trị nghiện ma túy tại gia đình;
- b) Điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng;
- c) Điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện.

2. Các biện pháp điều trị nghiện ma túy:

- a) Biện pháp điều trị nghiện tự nguyện;
- b) Biện pháp điều trị nghiện bắt buộc.

3. Các hình thức quản lý sau điều trị nghiện ma túy:

- a) Quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú;
- b) Quản lý sau điều trị nghiện tại Cơ sở quản lý sau điều trị nghiện.

### **Điều 4. Các nguyên tắc về điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước toàn bộ các hoạt động điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy; tổ chức và hỗ trợ đối với công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Người nghiện ma túy hoặc gia đình của họ có nghĩa vụ phải khai báo tình trạng nghiện và đăng ký hình thức điều trị nghiện phù hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Khuyến khích người nghiện đăng ký điều trị nghiện theo hình thức tự nguyện.

3. Các cơ sở điều trị nghiện ma túy phải thực hiện đúng quy trình, phác đồ điều trị và bài thuốc hỗ trợ cắt cơn giải độc cho người nghiện ma túy do Bộ Y tế quy định.

4. Việc điều trị cắt cơn, giải độc cho người điều trị nghiện ma túy phải do các y sỹ, bác sỹ được đào tạo, tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy.

5. Nghiêm cấm các hành vi sau:

a) Không tự giác khai báo tình trạng nghiện, không đăng ký hình thức điều trị nghiện khi đã nghiện; che dấu, chống lại hoặc cản trở việc thực hiện các quy định về điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy;

b) Xâm phạm đến thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản hợp pháp của người nghiện ma túy và người sau điều trị nghiện ma túy;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện các hoạt động điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện trái pháp luật.

### **Điều 5. Xác định người nghiện và công bố danh sách người nghiện ma túy**

1. Người được xác định là nghiện ma túy khi thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Bản thân người nghiện hoặc đại diện gia đình của người đó tự giác khai báo tình trạng nghiện của mình hoặc của người thân trong gia đình;

b) Người bị bắt quả tang khi đang sử dụng trái phép các chất ma túy và thừa nhận là đã nghiện ma túy;

c) Người bị cơ quan Y tế có thẩm quyền xác định là nghiện chất ma túy thông qua các hoạt động chuyên môn do Bộ Y tế quy định.

2. Căn cứ các tài liệu thu thập được theo quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền công bố danh sách người nghiện ma túy trên địa bàn quản lý.

### **Điều 6. Tổ công tác điều trị nghiện ma túy cấp xã**

1. Tổ công tác điều trị nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, giải thể.

Tổ công tác có từ 9 (chín) đến 15 (mười lăm) thành viên do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Tổ trưởng. Các thành viên gồm: cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh xã hội, công an, y tế; đại diện thôn, bản, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, người có chuyên môn, kinh nghiệm về điều trị nghiện ma túy tự nguyện tham gia. Số lượng cụ thể của thành viên Tổ công tác do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phù hợp với tình hình người nghiện và công tác điều trị nghiện tại địa phương.

2. Tổ công tác có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động điều trị nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện ma túy tại nơi cư trú, cụ thể là:

a) Lập danh sách theo dõi, quản lý người nghiện, người sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn; thực hiện việc tiếp nhận khai báo và đăng ký điều trị nghiện; xây dựng kế hoạch điều trị nghiện; tổ chức thực hiện các hoạt động điều trị nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú;

b) Phối hợp với thôn, bản, tổ dân phố nơi người nghiện cư trú xem xét, đánh giá tình trạng nghiện, hoàn cảnh gia đình, nhân thân của từng người nghiện để xây dựng kế hoạch điều trị nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng cho phù hợp;

c) Hướng dẫn người nghiện, người sau điều trị nghiện và gia đình hoặc người giám hộ người đó xây dựng và thực hiện kế hoạch điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện; phối hợp theo dõi, quản lý, chăm sóc, tư vấn giúp đỡ người nghiện, người sau điều trị nghiện thay đổi hành vi, nhân cách, nâng cao năng lực tái hoà nhập cộng đồng;

d) Tổ trưởng Tổ công tác căn cứ vào tình hình thực tế để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động của Tổ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thành viên Tổ công tác được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí khi tham gia công tác quản lý, chữa trị, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người điều trị nghiện ma túy.

### **Điều 7. Kinh phí đảm bảo cho công tác điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện**

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy gồm:

a) Kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hàng năm trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kinh phí đóng góp của cá nhân hoặc gia đình người nghiện, người sau điều trị nghiện ma túy;

c) Kinh phí thu được từ kết quả lao động sản xuất tại các cơ sở điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy;

d) Kinh phí tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

## **Chương II**

### **ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI CỘNG ĐỒNG**

#### **Mục 1**

### **ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH**

#### **Điều 8. Đối tượng, thời hạn điều trị nghiện ma túy tại gia đình**

1. Đối tượng điều trị nghiện tại gia đình là người nghiện ma túy từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên, đang cư trú tại cộng đồng tự giác khai báo và tự nguyện đăng ký điều trị nghiện tại gia đình; có đủ điều kiện điều trị nghiện tại gia đình và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều trị nghiện tại gia đình.

2. Thời hạn điều trị nghiện ma túy tại gia đình từ 6 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tùy theo tình trạng nghiện và điều kiện, hoàn cảnh gia đình của người đó, tính từ ngày ký quyết định điều trị nghiện tại gia đình.

### **Điều 9. Đăng ký điều trị nghiện và hồ sơ người điều trị nghiện tại gia đình**

1. Người nghiện hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện điều trị nghiện tại gia đình với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Tổ công tác giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện điều trị nghiện tại gia đình.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đăng ký tự nguyện điều trị nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện chưa thành niên. Nội dung đơn phải nêu rõ: tình trạng nghiện ma túy, các hình thức điều trị nghiện ma túy đã tham gia, tình trạng sức khỏe, tâm tư nguyện vọng và cam kết tự nguyện điều trị nghiện tại gia đình;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;

c) Kế hoạch điều trị nghiện cá nhân của người nghiện.

### **Điều 10. Quyết định áp dụng hình thức điều trị nghiện tại gia đình**

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ về đăng ký điều trị nghiện tự nguyện tại gia đình, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý điều trị nghiện tự nguyện tại gia đình.

2. Quyết định áp dụng hình thức điều trị nghiện ma túy tại gia đình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người quyết định; họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của đối tượng; điều khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, hiệu lực thi hành; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định phải gửi cho cá nhân, gia đình người nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác, Trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi người nghiện cư trú.

### **Điều 11. Tổ chức điều trị nghiện ma túy tại gia đình**

1. Khám sức khỏe và xây dựng kế hoạch điều trị:

Cơ sở y tế cấp xã, cán bộ y tế có nghiệp vụ chuyên môn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy có trách nhiệm khám sức khỏe ban đầu, làm các xét nghiệm cần thiết, lập bệnh án theo mẫu quy định của Bộ Y tế và xây dựng kế hoạch điều trị nghiện phù hợp với từng người; hướng dẫn người nghiện thực hiện kế hoạch điều trị nghiện.

2. Điều trị cắt cơn, giải độc:

Trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy, người nghiện có sự giúp đỡ của gia đình phải tự giác đến Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma túy hoặc cơ sở y tế cấp xã để điều trị cắt cơn, giải độc theo đúng kế hoạch.

3. Quản lý, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách:

Trong thời gian điều trị nghiện tại gia đình, Tổ công tác có trách nhiệm phân công cá nhân, tổ chức phối hợp với gia đình thực hiện việc quản lý, tư vấn, giúp đỡ người nghiện phục hồi sức khỏe, tâm lý; sửa đổi hành vi, nhân cách; từng bước từ bỏ ma túy, phòng chống tái nghiện và có định hướng đúng trong tương lai.

### **Điều 12. Đánh giá kết quả điều trị nghiện tại gia đình**

1. Trong thời gian điều trị nghiện tại gia đình, Tổ công tác tổ chức xét nghiệm chất ma túy định kỳ hoặc đột xuất; phối hợp với gia đình hoặc người giám hộ của người nghiện, trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi người đó cư trú để nhận xét, đánh giá kết quả điều trị nghiện ma túy của người nghiện.

2. Căn cứ kết quả xét nghiệm, ý kiến nhận xét và đánh giá của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp “Giấy chứng nhận đã hoàn thành thời gian điều trị nghiện ma túy tại gia đình” cho người nghiện.

3. Trường hợp phát hiện tái nghiện, Tổ công tác cập nhật vào sổ theo dõi người nghiện để quản lý và có kế hoạch tiếp tục điều trị nghiện.

### **Điều 13. Chế độ, chính sách đối với điều trị nghiện tại gia đình**

1. Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật. Người không thuộc diện được hỗ trợ phải đóng góp tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện theo quy định.

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thành viên Tổ công tác, người trực tiếp tham gia công tác điều trị nghiện tại gia đình.

3. Kinh phí thực hiện hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp xã. Mức hỗ trợ, đóng góp và thủ tục hỗ trợ kinh phí điều trị nghiện tại gia đình thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Mục 2**

### **ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI CỘNG ĐỒNG**

#### **Điều 14. Cơ sở điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại địa phương để tổ chức điều trị nghiện cho người nghiện tại cộng đồng. Trường hợp không có cơ sở vật chất để thành lập Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng phù hợp với nhu cầu, khả năng của địa phương.

2. Đối với các xã, phường, thị trấn có ít người nghiện hoặc không đủ điều kiện thành lập Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thành lập cơ sở điều trị nghiện cộng đồng theo cụm xã.

### **Điều 15. Đối tượng điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Đối tượng điều trị nghiện tại cộng đồng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người nghiện ma túy từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên đang cư trú tại cộng đồng, tự nguyện đăng ký điều trị nghiện tại cộng đồng hoặc tự nguyện đăng ký điều trị nghiện tại gia đình nhưng không có điều kiện điều trị nghiện tại gia đình (gọi chung là người điều trị nghiện tự nguyện tại cộng đồng). Người điều trị nghiện tự nguyện tại cộng đồng không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính;

b) Người nghiện ma túy từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên đang cư trú tại cộng đồng nhưng không tự giác khai báo, không tự nguyện đăng ký điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng thì bị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Không áp dụng biện pháp điều trị nghiện tại cộng đồng đối với các trường hợp:

a) Người nghiện đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Luật xử lý vi phạm hành chính;

b) Người nghiện thuộc diện bị đưa vào Cơ sở điều trị nghiện, Trường giáo dưỡng, Cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật;

c) Người nghiện đang bị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện, chưa bị xác định là tái nghiện.

### **Điều 16. Thời hạn điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Thời hạn điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng từ 6 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tùy theo tình trạng nghiện và điều kiện, hoàn cảnh của từng đối tượng. Thời gian điều trị nghiện cụ thể đối với từng trường hợp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác. Trong đó, thời gian điều trị nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng là 15 ngày; thời gian còn lại, người nghiện được quản lý, giám sát, giúp đỡ tại gia đình.

2. Thời hạn điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng tính từ ngày ký quyết định điều trị nghiện tự nguyện, điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

### **Điều 17. Hồ sơ của người điều trị nghiện tại cộng đồng**

Hồ sơ của người điều trị nghiện tại cộng đồng gồm:

1. Hồ sơ của người điều trị nghiện tự nguyện:

a) Đơn đăng ký tự nguyện điều trị nghiện tại cộng đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 9 Quy chế này;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện.

2. Hồ sơ của người điều trị nghiện bắt buộc:

Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác. Hồ sơ gồm:

- a) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy có dán ảnh, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Biên bản hoặc tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma túy của người nghiện;
- c) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã đề nghị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

### **Điều 18. Quyết định và thi hành quyết định điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký điều trị nghiện tự nguyện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ, lập danh sách và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng của Trưởng Công an cấp xã, Tổ công tác có trách nhiệm tổ chức phiên họp có đủ các thành phần: cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Y tế, đại diện thôn, bản, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc để thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Cuộc họp xem xét và biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết với kết quả bằng nhau thì phải ghi vào biên bản cuộc họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Biên bản phải ghi cụ thể ý kiến các thành viên tham dự và được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo văn bản đề nghị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

3. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp điều trị nghiện tại cộng đồng. Nội dung và nơi gửi quyết định thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này, đồng thời gửi thêm cho Cơ sở điều trị nghiện ma túy cộng đồng để có kế hoạch tiếp nhận.

4. Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ khi quyết định áp dụng biện pháp điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng có hiệu lực thi hành, người nghiện ma túy với sự hỗ trợ của gia đình phải tự giác đến Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng để chấp hành quyết định. Người phải chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc nếu không tự giác đến Cơ sở điều trị nghiện thì bị Công an cấp xã cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

### **Điều 19. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng**

1. Người đang ốm nặng, phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được hoãn

chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng cho đến khi con đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi tính theo giấy khai sinh hoặc khi sức khoẻ đã phục hồi theo giấy xuất viện của bệnh viện hoặc cơ sở chữa bệnh khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đang mắc bệnh hiềm nghèo, có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được miễn chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

3. Để được hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng, người nghiện phải làm đơn đề nghị hoãn, miễn (kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hoãn, miễn) gửi Tổ trưởng Tổ công tác xem xét, thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định. Quyết định miễn, hoãn chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải gửi cho bản thân, gia đình người nghiện, Tổ công tác và Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng.

4. Khi hết thời hạn được hoãn chấp hành ghi trong quyết định, người điều trị nghiện có trách nhiệm tự giác đến cơ sở điều trị nghiện tiếp tục chấp hành quyết định. Trường hợp không tự giác thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

## **Điều 20. Tổ chức điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Tổ quản lý Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng:

a) Tổ quản lý Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng có từ 3 (ba) đến 5 (năm) cán bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổ công tác. Đối với Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng cụm xã được bố trí từ 5 (năm) đến 7 (bảy) cán bộ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

b) Thành phần Tổ quản lý cơ sở điều trị nghiện cộng đồng gồm cán bộ công an, cán bộ văn hoá xã hội, cán bộ Trạm Y tế và các thành viên khác trong Tổ công tác.

2. Nhiệm vụ của Tổ quản lý Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng:

a) Tiếp nhận, phân loại, khám sức khoẻ ban đầu, lập bệnh án theo mẫu quy định của Bộ Y tế, xây dựng kế hoạch điều trị nghiện phù hợp với sức khoẻ và tình trạng nghiện cho từng người;

b) Bố trí nơi ăn, ngủ, điều trị, sinh hoạt cho học viên; đảm bảo đời sống tinh thần, vật chất cho học viên trong thời gian điều trị nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện;

c) Tổ chức điều trị cắt cơn, giải độc và điều trị các bệnh cơ hội phát sinh cho người nghiện;

d) Tổ chức cho người nghiện học tập nội quy, quy chế, quy trình điều trị nghiện; tham gia các hoạt động văn thể, lao động trị liệu; giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách trong thời gian điều trị nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện;

e) Tiếp nhận, quản lý sử dụng có hiệu quả, đúng pháp luật đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí được cấp cho Cơ sở điều trị nghiện.

3. Bàn giao người nghiện sau khi hết thời hạn điều trị nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện

a) Trước khi hết thời hạn điều trị nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện năm ngày, Tổ quản lý Cơ sở điều trị nghiện tiến hành kiểm tra sức khỏe người nghiện, nhận xét, đánh giá và tổng kết bệnh án đồng thời báo cáo Tổ công tác về thời gian và số người được bàn giao trong kỳ;

b) Tổ công tác có trách nhiệm thông báo cho gia đình người nghiện và người được phân công theo dõi, giúp đỡ người đó để đến nhận bàn giao người và hồ sơ người nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện;

c) Biên bản bàn giao người điều trị nghiện về gia đình được lập thành 3 (ba) bản, Tổ công tác giữ một bản, Cơ sở điều trị nghiện lưu một bản và giao cho gia đình người đó một bản.

#### 4. Quản lý, giám sát tại gia đình

a) Người nghiện sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị tại Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng được lập sổ theo dõi diễn biến hành vi, tâm lý và đưa trở về quản lý, giám sát tại gia đình;

b) Tổ công tác phân công tổ chức, cá nhân theo dõi, giúp đỡ người điều trị nghiện tiếp tục thực hiện kế hoạch điều trị nghiện tại cộng đồng; tổ chức, cá nhân được phân công phải phối hợp với gia đình, các đoàn thể nơi người đó cư trú để quản lý, giám sát và giúp đỡ người nghiện tiếp tục thực hiện kế hoạch điều trị nghiện.

### **Điều 21. Quyền lợi, nghĩa vụ của người điều trị nghiện tại cộng đồng**

#### 1. Quyền lợi

a) Được điều trị cắt cơn giải độc ma túy, được áp dụng các liệu pháp tâm lý trị liệu, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách, học nghề, tư vấn phòng tránh tái nghiện theo quy trình điều trị nghiện chất ma túy;

b) Được hỗ trợ một phần kinh phí điều trị nghiện theo quy định;

c) Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định điều trị nghiện tại cộng đồng.

#### 2. Nghĩa vụ

a) Tự giác đến cơ sở điều trị nghiện cộng đồng để chấp hành quyết định điều trị nghiện, trường hợp cố tình không tự giác thì sẽ bị cơ quan Công an cấp xã thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;

b) Đóng góp kinh phí điều trị nghiện theo quy định;

c) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở điều trị nghiện. Tuân thủ sự quản lý, điều hành của Tổ quản lý cơ sở điều trị nghiện.

**Điều 22. Đánh giá, nhận xét kết quả điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Trước khi kết thúc thời hạn điều trị nghiện tại cộng đồng, người điều trị nghiện phải làm bản tự kiểm điểm quá trình chấp hành quyết định điều trị nghiện, có ý kiến nhận xét của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ.

2. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm, bản tự kiểm điểm, quá trình theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch điều trị nghiện cá nhân của người nghiện, ý kiến nhận xét của Tổ quản lý Cơ sở điều trị nghiện và cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy “Chúng nhận đã chấp hành xong quyết định điều trị nghiện tại cộng đồng” theo mẫu quy định.

**Điều 23. Chế độ, chính sách đối với công tác điều trị nghiện tại cộng đồng**

1. Đối với người điều trị nghiện ma túy

a) Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện cho người điều trị nghiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy chế này;

b) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện cộng đồng.

2. Đối với xã, phường, thị trấn

a) Chi đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma túy;

b) Chi lập hồ sơ, xét duyệt hồ sơ điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng;

c) Chi hoạt động thường xuyên của Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma túy;

d) Hỗ trợ thành viên Tổ công tác, Tổ quản lý cơ sở điều trị nghiện, người được phân công trực tiếp tham gia công tác điều trị nghiện tại cộng đồng.

3. Kinh phí thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp xã. Mức hỗ trợ và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III****ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN ĐA CHỨC NĂNG (GỌI TẮT LÀ: CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN)****Mục 1****ĐIỀU TRỊ NGHIỆN THEO HÌNH THỨC BẮT BUỘC****Điều 24. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện.

2. Người chưa thành niên nghiện ma túy từ đủ 12 (mười hai) tuổi đến dưới 18 (mười tám) tuổi thuộc các trường hợp sau đây mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thì bị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện nhưng không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính:

- a) Đã được điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng;
- b) Đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ hai lần trở lên;
- c) Không xác định được nơi cư trú ổn định.

3. Không lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau:

- a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

d) Người đang tham gia các chương trình điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

đ) Người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

### **Điều 25. Thời hạn điều trị nghiện**

1. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc từ 12 đến 24 tháng.

2. Thời gian đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc cụ thể đối với từng trường hợp do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định.

### **Điều 26. Thời hiệu áp dụng**

1. Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép lần cuối bị phát hiện và lập biên bản.

2. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

### **Điều 27. Hồ sơ, trình tự thủ tục quyết định và thi hành quyết định**

1. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện đa chức năng thực hiện theo Quy định tại Điều 8; Khoản 1, Điều 9; Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý

hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Điều 3, Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Khi tiếp nhận người nghiện, Cơ sở điều trị nghiện phải kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định, đối chiếu người vào Cơ sở đúng với quyết định và ảnh dán trong hồ sơ.

### **Điều 28. Giải quyết các trường hợp người đang chấp hành quyết định điều trị nghiện vi phạm pháp luật**

Người đang chấp hành quyết định điều trị nghiện vi phạm pháp luật trước khi vào Cơ sở điều trị nghiện và trong thời gian ở Cơ sở điều trị nghiện được giải quyết theo quy định từ Điều 20, Điều 21 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP; Khoản 9, Khoản 10 Điều 1, Nghị định số 61/2011/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 29. Quy trình điều trị nghiện chất ma túy**

Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình điều trị nghiện cho người nghiện ma túy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội và Bộ Y tế về hướng dẫn quy trình cai nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

### **Điều 30. Tổ chức dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người điều trị nghiện ma túy**

Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm tổ chức dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người điều trị nghiện ma túy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BYT ngày 29/12/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

### **Điều 31. Chế độ, chính sách đối với người bị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại Trung tâm**

1. Chế độ quản lý, lao động, học tập, chữa trị, điều trị nghiện:

a) Chế độ quản lý, lao động, học tập, chữa trị, điều trị nghiện đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc được thực hiện theo quy định từ Điều 22 đến Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên nghiện ma túy vào điều trị

nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện thực hiện theo quy định từ Điều 39 đến Điều 45 Nghị định 135/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## 2. Chế độ trợ cấp, đóng góp:

Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở điều trị nghiện bắt buộc thực hiện theo Điều 5, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

### **Điều 32. Tạm đình chỉ, giảm thời hạn, miễn chấp hành quyết định và hết thời hạn chấp hành quyết định điều trị nghiện bắt buộc tại Trung tâm**

Cơ sở điều trị nghiện thực hiện việc tạm đình chỉ, giảm thời hạn, miễn chấp hành quyết định phần thời gian còn lại tại Cơ sở đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

### **Điều 33. Quyền lợi, nghĩa vụ của người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc**

Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện có các quyền lợi, nghĩa vụ sau:

#### 1. Quyền lợi

a) Được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc;

b) Được cấp chứng chỉ, bằng cấp học văn hoá, học nghề (nếu có);

c) Học viên không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động thì sau khi hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc thì được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi cơ sở điều trị nghiện bắt buộc đóng trụ sở để chăm sóc.

d) Học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe để trở về nơi cư trú. Trường hợp khó khăn có thể được trợ cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe về nơi cư trú.

2. Nghĩa vụ: Phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động và bảo hộ lao động đã mượn, trường hợp làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.

### **Điều 34. Kinh phí đảm bảo cho việc lập hồ sơ, đưa đối tượng vào Cơ sở**

Kinh phí đảm bảo cho việc lập hồ sơ, đưa đối tượng vào Cơ sở được thực hiện

theo Điều 3 và Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Điều 4 Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

## Mục 2

### ĐIỀU TRỊ NGHIỆN THEO HÌNH THỨC TỰ NGUYỆN

#### Điều 35. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở điều trị nghiện được tiếp nhận người xin điều trị nghiện theo hình thức tự nguyện.

2. Đối tượng được xét, tiếp nhận vào Cơ sở điều trị nghiện để điều trị nghiện tự nguyện là người nghiện ma túy từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên, có đủ sức khoẻ thực hiện quy trình điều trị nghiện và có hồ sơ xin điều trị nghiện tự nguyện.

3. Người tự nguyện xin vào điều trị nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

#### Điều 36. Thời hạn điều trị nghiện theo hình thức tự nguyện

Thời hạn điều trị nghiện theo hình thức tự nguyện tại Trung tâm từ 6 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng/một đợt điều trị, thời gian cụ thể đối với từng trường hợp do bản thân hoặc gia đình người đó đăng ký trong đơn xin điều trị nghiện tự nguyện. Trường hợp người điều trị nghiện tự nguyện muốn ra khỏi Cơ sở điều trị nghiện trước thời hạn đã đăng ký phải làm đơn trình bày rõ lý do gửi Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện xem xét giải quyết.

#### Điều 37. Hồ sơ, thủ tục xét duyệt hồ sơ của người điều trị nghiện tự nguyện

1. Hồ sơ của người tự nguyện xin vào Cơ sở điều trị nghiện để điều trị nghiện gồm:

a) Đơn xin điều trị nghiện tự nguyện của người nghiện; cam kết điều trị nghiện, chữa trị của người tự nguyện hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con (đã thành niên), anh, chị em ruột hoặc người giám hộ của người đó (nếu là người chưa thành niên) theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐT BXH-BCA ngày 06/6/2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an;

b) Bản sao giấy Chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận tạm trú dài hạn có chứng thực hoặc kèm bản chính để đối chiếu.

Hồ sơ của người điều trị nghiện tự nguyện được gửi cho Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện.

2. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện xét duyệt hồ sơ và căn cứ vào khả năng tiếp nhận của Cơ sở để ra quyết định tiếp nhận. Quyết định tiếp nhận được gửi cho người điều trị nghiện tự nguyện; cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó (nếu là người chưa thành niên) và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

3. Khi tiếp nhận người điều trị nghiện tự nguyện, Cơ sở điều trị nghiện phải kiểm tra, đối chiếu người vào đúng với hồ sơ và quyết định; tổ chức khám sức khỏe, lập bệnh án và biên bản tiếp nhận.

### **Điều 38. Quyền lợi, trách nhiệm của người điều trị nghiện tự nguyện**

1. Quyền lợi:

a) Được điều trị hỗ trợ cắt cơn giải độc phục hồi sức khỏe, được giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách theo quy định của pháp luật;

b) Được học nghề, học văn hóa nếu có nhu cầu;

c) Được hưởng kết quả lao động sản xuất trong thời gian ở Cơ sở điều trị nghiện (nếu có);

d) Được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành quy trình điều trị nghiện chất ma túy.

2. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định về nội quy, quy chế, quy trình điều trị nghiện ma túy của Cơ sở điều trị nghiện và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chấp nhận các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, chữa bệnh, lao động sản xuất ở Cơ sở điều trị nghiện như đối với người bị áp dụng biện pháp điều trị nghiện bắt buộc;

c) Đóng góp các khoản chi phí ăn, ở, chữa bệnh, hoạt động văn thể, điện, nước, vệ sinh, chi phí quản lý trong thời gian chữa trị tại Cơ sở điều trị nghiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Mục 3**

### **QUẢN LÝ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY KHÔNG CÓ NƠI CƯ TRÚ ỔN ĐỊNH TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN**

#### **Điều 39. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng bị đề nghị áp dụng: Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy nhưng không có nơi cư trú ổn định.

#### **Điều 40. Thời hạn và thẩm quyền quyết định**

1. Thời hạn quản lý tại Tổ chức xã hội (Cơ sở xã hội) trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc theo Điều 11, 12, 13 của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế

độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Điều 7 của Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định về việc giao cho Tổ chức xã hội (Cơ sở xã hội) quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc.

**Điều 41. Hồ sơ, trình tự thủ tục và chế độ chính sách đối với người nghiện bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Tổ chức xã hội (Cơ sở xã hội)**

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo Điều 8, Khoản 2, Điều 9; Điều 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Chế độ, chính sách thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

**Điều 42. Hết thời hạn đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm**

1. Trong thời hạn quản lý tại Tổ chức xã hội (Cơ sở xã hội) khi có quyết định không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện thì tiến hành bàn giao người vi phạm cho địa phương nơi người đó cư trú để tiếp tục theo dõi, quản lý.

2. Trong thời hạn quản lý tại Tổ chức xã hội (Cơ sở xã hội) khi có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện thì thực hiện theo Điều 15 của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ SAU ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ BẮT BUỘC  
TẠI CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN**

**Mục 1**

**QUẢN LÝ SAU ĐIỀU TRỊ NGHIỆN TẠI NƠI CƯ TRÚ**

**Điều 43. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú là người nghiện ma túy đã hoàn thành thời gian điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện

không thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao theo quy định tại Khoản 2, Điều 55 Quy chế này.

2. Trong trường hợp chưa triển khai thực hiện biện pháp quản lý sau điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện, biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú được tạm thời áp dụng đối với cả đối tượng thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao.

3. Công tác quản lý sau điều trị tại nơi cư trú được thực hiện ở tất cả các xã, phường, thị trấn có người nghiện ma túy.

#### **Điều 44. Thời gian và thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

2. Thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú với đối tượng không thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao là 12 (mười hai) tháng, với đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tùy theo mức độ nguy cơ tái nghiện. Thời gian chấp hành quyết định được tính từ ngày người sau điều trị nghiện được xã, phường, thị trấn tiếp nhận, áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

#### **Điều 45. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

1. Trước khi kết thúc thời gian điều trị nghiện bắt buộc 30 (ba mươi) ngày, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Bản sao hồ sơ của đối tượng điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 135/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Các tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú;

c) Bản nhận xét, đánh giá của Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện về quá trình học tập, rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế của đối tượng;

d) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú của Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện kèm theo danh sách đối tượng đã phân loại có nguy cơ tái nghiện cao.

#### **Điều 46. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra và làm văn bản trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

2. Nội dung thẩm tra gồm: lý lịch cá nhân của đối tượng, tính hợp pháp của hồ sơ và việc tuân thủ quy trình lập hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, trong thời hạn chậm nhất là 2 (hai) ngày làm việc, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ theo quy định. Thời gian thẩm tra hồ sơ được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú và thông báo danh sách đối tượng thuộc diện quản lý sau điều trị cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú để có kế hoạch tiếp nhận và thực hiện việc quản lý sau điều trị nghiện. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng năm ký; họ tên, chức vụ của người ký; họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của đối tượng; thời hạn và nơi thi hành quyết định. Quyết định phải gửi cho bản thân, gia đình người nghiện; Cơ sở điều trị nghiện nơi đang quản lý người nghiện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

#### **Điều 47. Bàn giao người và hồ sơ của người sau điều trị nghiện**

1. Sau khi quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có hiệu lực thi hành, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ của người sau điều trị nghiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú.

2. Việc bàn giao được thực hiện tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi nhận bàn giao, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để phối hợp quản lý.

3. Hồ sơ bàn giao gồm:

a) Bản chính Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú theo quy định tại Khoản 2, Điều 45 Quy chế này.

#### **Điều 48. Nội dung hoạt động quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

Nội dung hoạt động quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú gồm:

1. Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn cho người sau điều trị nghiện phòng chống tái nghiện và thay đổi hành vi, nhân cách.

2. Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tạo điều kiện để người sau điều trị nghiện tham gia các hoạt động xã hội, hoà nhập với cộng đồng.

3. Trong quá trình áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị, trường hợp phát hiện tái nghiện thì cập nhật vào sổ theo dõi quản lý sau điều trị nghiện và bổ sung vào danh sách người nghiện để tiếp tục có kế hoạch điều trị nghiện.

**Điều 49. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý sau điều trị nghiện; lập sổ theo dõi, đánh giá quá trình quản lý sau điều trị nghiện; phân công cá nhân, tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ người sau điều trị cách ly môi trường có ma túy, thực hiện các biện pháp phòng tránh tái nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm chất ma túy đối với người sau điều trị nghiện.

2. Chỉ đạo Đội hoạt động xã hội tình nguyện cấp xã, huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau điều trị nghiện; động viên, khuyến khích người sau điều trị nghiện tham gia các hoạt động xã hội.

3. Tuyên truyền, quản lý, tổ chức việc chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ cho người sau điều trị nghiện nhiễm HIV/AIDS.

4. Hàng tháng tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, nhận xét đối với toàn bộ số người đang áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại nơi cư trú trên địa bàn.

Tổ công tác điều trị nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

**Điều 50. Trách nhiệm của bản thân, gia đình người sau điều trị nghiện**

1. Trách nhiệm của người sau điều trị nghiện

a) Xây dựng kế hoạch rèn luyện sau điều trị nghiện theo hướng dẫn của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ. Cam kết thực hiện các quy định về quản lý sau điều trị và nghiêm túc thực hiện cam kết đó;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố nơi cư trú;

c) Hàng tháng phải làm bản tự kiểm điểm và tham gia buổi kiểm điểm, đánh giá kết quả phần đầu rèn luyện của người sau điều trị do Ủy ban nhân dân xã tổ chức.

2. Trách nhiệm của gia đình người sau điều trị nghiện

a) Quản lý, giám sát và hỗ trợ tạo việc làm cho người sau điều trị nghiện;

b) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã và cá nhân, tổ chức được phân công trong việc quản lý, giúp đỡ người sau điều trị nghiện;

c) Tạo điều kiện cho người sau điều trị tham gia các hoạt động cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nơi người đó cư trú tổ chức.

**Điều 51. Quy định về đi lại, thay đổi chỗ ở trong thời gian quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú, ngoài việc phải chấp hành các quy định của pháp luật về cư trú, người sau điều trị nghiện phải thực hiện các quy định sau:

1. Quy định về việc vắng mặt tại nơi cư trú:

a) Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú, người

sau điều trị nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, mỗi lần vắng mặt không quá ba mươi ngày, tổng số thời gian vắng mặt không được quá một phần ba thời gian quản lý sau điều trị. Trường hợp vắng mặt đến mười ngày, người sau điều trị nghiện phải báo cáo và được sự đồng ý của người được phân công giúp đỡ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp vắng mặt từ trên mười ngày đến ba mươi ngày thì người sau điều trị nghiện phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian, nơi đến có ý kiến của người được phân công giúp đỡ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét duyệt;

b) Đến nơi lưu trú, người sau điều trị nghiện có trách nhiệm báo cáo Công an cấp xã nơi lưu trú biết. Khi hết thời hạn lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi lưu trú về việc chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương nơi đến lưu trú;

c) Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian chấp hành quyết định nếu người đó không vi phạm pháp luật tại nơi đến lưu trú. Trường hợp vắng mặt không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền hoặc có vi phạm tại nơi đến lưu trú thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời gian chấp hành quyết định.

## 2. Quy định về việc thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi ở, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác, người sau điều trị nghiện phải làm đơn đề nghị, có ý kiến của người được phân công giúp đỡ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang cư trú làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người đó cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, hỗ trợ sau điều trị nghiện.

**Điều 52. Quy định về giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.** Thực hiện theo Điều 14, Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được xem xét, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị tại nơi cư trú:

a) Người sau điều trị nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời gian ghi trong quyết định, nếu lập công hoặc tiến bộ rõ rệt thì được xem xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại;

b) Trường hợp người sau điều trị nghiện bị ốm nặng, có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định để điều trị cho đến khi phục hồi sức khỏe theo giấy xuất viện của bệnh viện. Thời gian điều trị không được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được miễn chấp hành thời gian còn lại;

c) Phụ nữ có thai được tạm đình chỉ chấp hành quyết định cho đến khi con đủ 36

(ba mươi sáu) tháng tuổi. Trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì được xem xét miễn chấp hành thời gian còn lại.

2. Trình tự, thủ tục xem xét giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị tại nơi cư trú thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách các trường hợp đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị tại nơi cư trú và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

b) Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tiến hành thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời hạn quản lý sau điều trị nghiện.

3. Khi hết thời gian được tạm đình chỉ, người sau điều trị nghiện phải tự giác báo cáo cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ và tiếp tục chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

#### **Điều 53. Hết thời hạn quản lý sau điều trị nghiện**

Khi hết thời hạn quản lý sau điều trị nghiện, người sau điều trị nghiện phải làm bản kiểm điểm về quá trình học tập, rèn luyện của bản thân trong thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện. Trên cơ sở bản kiểm điểm của người sau điều trị nghiện và xác nhận của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét, đánh giá vào hồ sơ quản lý sau điều trị nghiện, cập nhật vào sổ theo dõi quản lý sau điều trị và cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú theo mẫu quy định.

#### **Điều 54. Chế độ hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú và người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

1. Chế độ hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú.

a) Người chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú được tư vấn miễn phí về tâm lý, xã hội liên quan đến vấn đề phòng chống ma túy, tái hoà nhập cộng đồng, phòng chống tái nghiện;

b) Người sau điều trị nghiện nếu có nhu cầu học nghề phù hợp được xem xét hỗ trợ một lần kinh phí học sơ cấp nghề;

c) Người sau điều trị nghiện đang chấp hành quyết định quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú có nhiều tiến bộ, cam kết không tái nghiện, chưa có việc làm, thuộc diện hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được hỗ trợ kinh phí tìm việc làm.

**2. Chế độ hỗ trợ người tham gia công tác quản lý sau điều trị tại nơi cư trú**

Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công trực tiếp giúp đỡ, tư vấn về tâm lý, xã hội cho người sau điều trị nghiện được hỗ trợ kinh phí hoạt động.

3. Mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm quản lý sau cai, các quy định khác của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kinh phí hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau điều trị tại nơi cư trú và người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú quy định tại điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội hàng năm của Ngân sách xã, phường, thị trấn.

**Mục 2****QUẢN LÝ SAU ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TUÝ TẠI CƠ SỞ QUẢN LÝ SAU ĐIỀU TRỊ****Điều 55. Đối tượng áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở**

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị là người nghiện ma túy từ đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở xuống đối với nam, từ đủ 55 (năm mươi lăm) tuổi trở xuống đối với nữ đã hoàn thành thời gian điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện, thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao.

2. Người bị xác định là có nguy cơ tái nghiện cao khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có thời gian nghiện ma túy từ 5 (năm) năm trở lên hoặc đã sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích từ 2 (hai) năm trở lên (Căn cứ hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện để xác định);

b) Đã điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện từ lần thứ ba trở lên;

c) Trong thời gian 6 (sáu) tháng cuối, đối tượng có hành vi vi phạm nội quy, quy chế, bị thi hành kỷ luật mức cảnh cáo từ lần thứ ba trở lên hoặc mức cách ly tại phòng kỷ luật từ lần thứ hai trở lên;

d) Trước khi vào Cơ sở quản lý sau điều trị, người đó không có nghề nghiệp hoặc có nghề nghiệp nhưng không có việc làm ổn định; không có nơi cư trú nhất định.

3. Không áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện tại Cơ sở quản lý sau điều trị với đối tượng được quy định tại Khoản 1 điều này nhưng không đủ sức khoẻ

để học tập, lao động sản xuất hoặc bị bệnh AIDS giai đoạn cuối (Theo phiếu khám sức khỏe của Phòng y tế thuộc Cơ sở điều trị nghiện).

**Điều 56. Thời hạn và thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị**

1. Thời hạn quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị là 12 (mười hai) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tùy theo mức độ nguy cơ tái nghiện. Thời gian chấp hành quyết định tính từ ngày người sau điều trị nghiện được bàn giao từ Cơ sở điều trị nghiện sang Cơ sở quản lý sau điều trị hoặc từ Khu điều trị nghiện phục hồi sang Khu quản lý sau điều trị của Cơ sở điều trị nghiện.

2. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị thực hiện theo Điều 17, Nghị định 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ, cụ thể như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị.

**Điều 57. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị**

1. Trước khi kết thúc thời gian điều trị nghiện bắt buộc 45 (bốn lăm) ngày, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng khen thưởng, kỷ luật học viên thực hiện theo Chương 3, Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐT BXH-BCA ngày 06/6/2012 của Bộ Lao động - TBXH và Bộ Công an Quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh để xét duyệt đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Bản sao hồ sơ của đối tượng điều trị nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và Điều 9, Nghị định 221/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Bản kiểm điểm quá trình học tập, rèn luyện trong thời gian ở Cơ sở điều trị nghiện của đối tượng có nhận xét, đánh giá của Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện;

c) Phiếu khám sức khỏe đối tượng của Phòng Y tế thuộc Cơ sở điều trị nghiện khẳng định đối tượng đủ sức khỏe thực hiện quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị;

d) Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét duyệt đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao của Cơ sở điều trị nghiện, tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao;

e) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở điều trị nghiện.

**Điều 58. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị**

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và làm văn bản trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị. Nội dung thẩm tra theo quy định tại Khoản 2, Điều 46 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Quy chế này, ngoài ra phải gửi thêm cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ sở điều trị nghiện được giao nhiệm vụ quản lý sau điều trị và Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội.

**Điều 59. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị**

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có hiệu lực thi hành, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ của người phải chấp hành quyết định sang Cơ sở quản lý sau điều trị hoặc chỉ đạo việc chuyển đổi tượng từ Khu điều trị nghiện sang Khu quản lý sau điều trị, phân loại và lưu hồ sơ quản lý riêng đồng thời báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội qua Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Hồ sơ quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị gồm:

a) Bản sao Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị theo quy định tại Khoản 2, Điều 57 Quy chế này.

3. Biên bản bàn giao người sau điều trị nghiện được lập thành ba bản, lưu hồ sơ người điều trị nghiện một bản và hồ sơ người quản lý người sau điều trị một bản và một bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở điều trị nghiện.

Trường hợp Cơ sở điều trị nghiện đồng thời là Cơ sở quản lý sau điều trị thì Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện tiến hành phân loại và lưu hồ sơ để quản lý riêng đồng thời báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 60. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị.**

Thẩm quyền quyết định hoãn, miễn chấp hành quyết định quản lý sau điều trị

tại Cơ sở quản lý sau điều trị thực hiện theo Điều 23, Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Người sau điều trị nghiện được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau:

a) Đang ốm nặng, có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên được hoãn chấp hành quyết định để chữa trị cho đến khi sức khoẻ ổn định theo giấy xuất viện của bệnh viện hoặc cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật;

b) Gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã được hoãn chấp hành quyết định cho đến khi tình trạng khó khăn được giải quyết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi được hoãn chấp hành quyết định cho đến khi con đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi;

Thời gian hoãn không được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Khi hết thời gian được hoãn, người sau điều trị nghiện phải tự giác đến Cơ sở quản lý sau điều trị để chấp hành quyết định; trường hợp không tự giác thì bị Công an cấp xã nơi cư trú áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Người sau điều trị nghiện được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau:

a) Người đang mắc bệnh hiểm nghèo, có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;

b) Người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối.

3. Trình tự, thủ tục xem xét hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị thực hiện như sau:

a) Người sau điều trị nghiện thuộc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này làm đơn xin hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại gửi Giám đốc Cơ sở quản lý sau điều trị;

b) Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Giám đốc Cơ sở quản lý sau điều trị xem xét, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Cơ sở quản lý sau điều trị.

c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Giám đốc Cơ sở quản lý sau điều trị, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải thẩm tra, làm văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau điều trị nghiện tại Cơ sở quản

lý sau điều trị, quyết định phải gửi cho người sau điều trị nghiên cứu, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ sở điều trị nghiên cứu được giao nhiệm vụ quản lý sau điều trị và Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

### **Điều 61. Hết thời hạn quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị**

1. Giám đốc Cơ sở quản lý sau điều trị có trách nhiệm thông báo cho người sau điều trị biết thời gian hoàn thành quyết định quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị của người đó trước 30 (ba mươi) ngày.

2. Khi hết thời hạn chấp hành quyết định, Giám đốc Cơ sở quản lý sau điều trị cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị cho người đó và gửi bản sao đến phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã và gia đình người đó để giúp đỡ khi tái hoà nhập cộng đồng.

### **Điều 62. Chế độ quản lý, học tập, lao động và khen thưởng, kỷ luật**

Chế độ quản lý, học tập, lao động và khen thưởng, kỷ luật đối với người sau điều trị nghiên cứu tại Cơ sở quản lý sau điều trị thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ, hướng dẫn tại Thông tư số 21/2010/TT-BLĐTBXH ngày 05/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, tư vấn, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 63. Quyền lợi và trách nhiệm của người sau điều trị nghiên cứu**

1. Quyền lợi:

a) Khi tham gia lao động sản xuất tại các doanh nghiệp ngoài Cơ sở quản lý sau điều trị, người sau điều trị nghiên cứu được ký kết hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ bảo hiểm theo quy định của Bộ luật Lao động;

b) Được bố trí chỗ ở phù hợp, đảm bảo các tiện nghi sinh hoạt cần thiết; được học tập, đào tạo nghề nghiệp theo nguyện vọng và phù hợp với khả năng, điều kiện của Cơ sở quản lý sau điều trị;

c) Được tham gia sinh hoạt các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp theo quy định. Được tiếp thân nhân theo quy định của Cơ sở quản lý sau điều trị;

d) Được xét khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong học tập, rèn luyện, tham gia giữ gìn an ninh trật tự bảo đảm an toàn tại Cơ sở quản lý sau điều trị và địa phương nơi Cơ sở quản lý sau điều trị đóng trú;

đ) Khi hết thời hạn được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định

quản lý sau điều trị tại Cơ sở quản lý sau điều trị; được cấp chứng chỉ học nghề, bằng cấp học văn hoá theo trình độ đạt được. Được nhận lại các vật dụng hoặc tiền ký gửi, tiết kiệm ở Cơ sở quản lý sau điều trị nếu có;

e) Trường hợp khó khăn có thể được trợ cấp tiền ăn đường, tàu xe về nơi cư trú.

2. Trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của Cơ sở;

b) Tích cực tham gia lao động sản xuất, hoàn thành khối lượng, chất lượng, định mức công việc được giao;

c) Tích cực rèn luyện, học tập, tham gia các phong trào văn hoá, thể thao và các hoạt động xã hội của Cơ sở;

d) Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động bài trừ tệ nạn ma tuý và các tệ nạn xã hội khác; phản ánh, tố cáo với người có trách nhiệm để ngăn chặn mọi biểu hiện và hành vi tiêu cực tại Cơ sở;

e) Khi hết thời hạn chấp hành quyết định phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động, bảo hộ lao động đã mượn của Cơ sở; trường hợp làm mất, hư hỏng không có lý do chính đáng phải bồi thường; thanh toán các khoản vay, nợ của cá nhân, tập thể trong thời gian ở Cơ sở.

g) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau điều trị tại Cơ sở, người sau điều trị nghiện phải tự giác đến trình báo với Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã nơi cư trú.

#### **Điều 64. Chế độ trợ cấp, đóng góp**

1. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại Cơ sở, người sau điều trị nghiện được hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền khám chữa bệnh và một số khoản chi phí khác; phần còn thiếu so với quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì bản thân hoặc gia đình người đó phải đóng góp. Trường hợp đối tượng không thuộc diện được xét miễn, giảm theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà bản thân hoặc gia đình người đó không tự giác đóng góp thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 31 Quy chế này.

2. Người sau điều trị nghiện thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người không có nơi cư trú nhất định, người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối được xem xét, miễn giảm các khoản phải đóng góp.

3. Người sau điều trị nghiện đã chấp hành xong quyết định quản lý sau điều trị tại Cơ sở trở về địa phương đã có nhiều tiến bộ, cam kết không tái nghiện, chưa có việc làm, thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng được hỗ trợ kinh phí tìm việc làm.

4. Mức trợ cấp, đóng góp, miễn giảm và trình tự, thủ tục xét miễn, giảm kinh phí quản lý sau điều trị nghiện tại Cơ sở quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Chương V**

### **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 65. Quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và khởi kiện hành chính**

1. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở để điều trị nghiện bắt buộc, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị hoặc người đại diện hợp pháp của người đó có quyền kiến nghị về việc quản lý, lao động, học tập và chữa bệnh tại Cơ sở với Giám đốc Cơ sở; khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính về quyết định đưa vào Cơ sở, quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện ma túy.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo hành vi trái pháp luật trong việc đưa người vào Cơ sở để điều trị nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, khởi kiện hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

#### **Điều 66. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc tổ chức thực hiện biện pháp đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở để điều trị nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện ma túy được xét khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở để điều trị nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện ma túy, người đang chấp hành quyết định có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc được xét khen thưởng; người vi phạm nội quy, quy chế, không chịu lao động, học tập bị thi hành kỷ luật. Hình thức khen thưởng, kỷ luật và trình tự xét khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP; Điều 31 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp người đang chấp hành quyết định vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Quyết định khen thưởng, kỷ luật phải bằng văn bản và lưu vào hồ sơ của đối tượng.

3. Người có thẩm quyền trong việc thi hành biện pháp đưa đối tượng vào Cơ sở để điều trị nghiện hoặc thi hành biện pháp quản lý sau điều trị nghiện mà dung túng, bao che cho hành vi trái pháp luật; xâm phạm sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người đang chấp hành quyết định hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 67. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách về công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm:

a) Chế độ trợ cấp, đóng góp; chính sách miễn, giảm đóng góp đối với người điều trị nghiện tại Cơ sở, điều trị nghiện tại cộng đồng, điều trị nghiện tại gia đình và người bị áp dụng biện pháp quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú, tại Cơ sở;

b) Chế độ hỗ trợ đối với người tham gia công tác điều trị nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú;

c) Cơ chế, chính sách chi đầu tư, cải tạo, mua sắm trang thiết bị; chi hoạt động thường xuyên cho cơ sở điều trị cắt cơn nghiện tại các xã, phường, thị trấn;

d) Chính sách ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người sau điều trị nghiện ma túy.

3. Hướng dẫn thực hiện công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Chỉ đạo Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội thực hiện chức năng là cơ quan thường trực về công tác điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy của tỉnh. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình để báo cáo, đề xuất về chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn.

**Điều 68. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và đầu tư**

Chủ trì phối hợp với Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và Sở Tài chính trong việc cân đối nguồn ngân sách địa phương và ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy; tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố đảm bảo thực hiện các hoạt động điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy theo quy định tại Quy chế này.

**Điều 69. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Phối hợp với sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách và các quy định về quản lý tài chính đối với kinh phí điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan tài chính các cấp và các cơ sở điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy trong việc lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động tài chính thuộc lĩnh vực công tác điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy.

**Điều 70. Trách nhiệm của Công an tỉnh**

1. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan Công an các cấp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh xã hội, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể xã hội có liên quan trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc đưa người phải chấp hành quyết định vào Cơ sở để điều trị nghiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Có phương án phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy.

4. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ tại các cơ sở điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện trên địa bàn.

**Điều 71. Trách nhiệm của Sở Y tế**

1. Nghiên cứu, ứng dụng các loại thuốc và phương pháp điều trị nghiện, chữa bệnh cho người nghiện ma túy.

2. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ y tế trực tiếp làm công tác điều trị nghiện ma túy tại các cơ sở điều trị nghiện ma túy và Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn việc điều trị nghiện ma túy, chữa bệnh xã hội; quy định

phác đồ điều trị nghiện ma túy, chữa bệnh xã hội tại các cơ sở điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 72. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mở các lớp dạy văn hoá, đào tạo nghề nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cho đối tượng đang chấp hành quyết định điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện tại Cơ sở. Hỗ trợ đội ngũ giáo viên cho các Cơ sở, phối hợp kiểm tra việc học tập; tổ chức thi, cấp bằng, chứng chỉ cho học viên theo trình độ đạt được khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 73. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ quản lý điều trị nghiện và quản lý sau điều trị nghiện theo quy định của Pháp luật; thực hiện chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức làm công tác điều trị nghiện hàng năm theo quy định của UBND tỉnh.

### **Điều 74. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thường xuyên tổ chức điều tra, thống kê nắm chắc tình hình người nghiện ma túy trên địa bàn quản lý. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và chỉ đạo thực hiện kế hoạch điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy hàng năm theo chỉ tiêu được giao;

b) Chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an cùng cấp và các ngành có liên quan trong việc lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ, quyết định biện pháp điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện ma túy;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã lập và thực hiện kế hoạch điều trị nghiện tại gia đình, điều trị nghiện tại cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú; tạo điều kiện cho người đã chấp hành xong quyết định điều trị nghiện, quản lý sau điều trị nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Công an cùng cấp phối hợp với các ban, ngành có liên quan trong việc thu thập tài liệu lập danh sách người nghiện ma túy, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi điều trị nghiện, phối hợp với cơ quan công an cấp huyện trong việc tổ chức đưa người phải chấp hành quyết định điều trị nghiện vào Cơ sở.

b) Thành lập, chỉ đạo Tổ công tác điều trị nghiện, Tổ quản lý cơ sở điều trị nghiện triển khai thực hiện công tác điều trị nghiện tại gia đình, điều trị nghiện tại cộng đồng và quản lý sau điều trị nghiện tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

c) Giúp đỡ người sau điều trị nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống, tái hoà nhập cộng đồng bền vững, chống tái nghiện.

**Điều 75. Giải quyết các khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Quy chế**

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, có vấn đề khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Doãn Văn Hưởng**